TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Thương.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.
-Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.
Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1977.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/10/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Tiến D đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2009 tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (nay là UBND phường T, tỉnh Nghệ An), hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân không còn ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Đến năm 2023 thì anh D đi xuất lao động tại Cộng hòa liên bang Đ cho đến nay và thi thoảng vợ chồng có liên lạc nhưng chỉ trao đổi về con cái. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/3/2010, không ai có con riêng, vợ chồng không nhận nuôi con nuôi.

Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành. Hiện tại chị đang làm nghề lao động tự do, đảm bảo thu nhập và điều kiện ăn ở, sinh hoạt để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay, không vay của ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến D: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bàn tố tụng cho thân nhân bị đơn (anh Nguyễn Tiến D) và niêm yết các văn bản tô tụng theo quy dịnh pháp luật, nhưng anh Nguyễn Tiến D đều vắng mặt không có lý do.

Chị Đào Thị T không cung cấp được địa chỉ nơi cứ trú, nơi làm việc hiện nay của anh Nguyễn Tiến D. Tòa án đã gửi văn bản yêu cầu thân nhân anh Nguyễn Tiến D (ông Nguyễn Thiết G và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ anh D, trú tại khối T, phường T, tỉnh Nghệ An) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn (anh Nguyễn Tiến D); yêu cầu ông G, bà H thông báo cho anh D biết chị T đang khởi kiện ly hôn anh D và Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết; đề nghị anh D gửi lời khai, yêu cầu cho Tòa án. Tuy nhiên, qua đơn trình bày của ông G, bà H cho biết anh D đang đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, anh D vẫn thường xuyên liên lạc về với ông bà qua mạng xã hội và anh D đã biết chị T khởi kiện xin ly hôn với anh D, Tòa án khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết. Anh D1 có nói lại với ông bà nếu chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D1 thì anh D1 đồng ý ly hôn với chị T. Còn địa chỉ của anh D1 tại nước ngoài thì ông G, bà H không biết vì anh D1 không có địa chỉ cụ thể. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh Nguyễn Tiến D liên quan đến giải quyết vụ án trên cũng như không ai cung cấp thông tin về nơi cư trú, làm việc hiện tại của anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đào Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T và anh D đến lúc con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Đào Thị T phải chịu toàn bộ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Đào Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại khối T, phường T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

Nguyên đơn chị Đào Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Công văn số 5218/QLXNC-Đ1 ngày 10/12/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh N thì anh Nguyễn Tiến D xuất cảnh qua Cửa khẩu S ngày 07/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Đào Thị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Tiến D tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Thiết G và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ anh D cung cấp địa chỉ, tin tức của anh D và thông báo cho anh D biết Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của chị Đào Thị T, đề nghị anh D gửi lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, ông G, bà H không cung cấp được địa chi hiện nay của anh D, nhưng đã thông tin và anh D đã biết rõ việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết vụ án nhưng anh D không cung cấp địa chỉ và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về cho Tòa án. Do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh theo quy định của pháp luật. Việc anh D không cung cấp địa chỉ và không có ý kiến gì về vụ án gửi cho Tòa án thể hiện anh D cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điếu 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Tiến D, đăng ký kết hôn vào ngày ngày 13/11/2009 tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (nay là UBND phường T, tỉnh Nghệ An), hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị T, anh D chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân không còn ai quan tâm chăm sóc nhau nữa. Đến năm 2023 thì anh D đi xuất lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ cho đến nay và thi thoảng vợ chồng có liên lạc nhưng chỉ trao đổi về con cái. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã xác minh tại địa phương xác định quá trình vợ chồng chung số có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại anh D đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không khả thi. Mặt khác căn cứ đơn trình bày của ông G, bà H là bố mẹ đẻ anh D xác định hiện tại anh D đang ở nước ngoài nhưng ông bà không biết được địa chỉ của anh D ở đâu. Ông bà đã trao đổi qua điện thoại với anh D thì anh D đã biết được nội dung chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D thì anh D trả lời đồng ý ly hôn với chị T. Điều đó chứng tỏ anh D không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn với anh D như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/3/2010, không ai có con riêng, không nuôi con nuôi.

Xét quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T và anh D và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị T làm nghề lao động tự do, đảm bảo thu nhập, điều kiện ăn ở, sinh hoạt để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hơn nữa con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Qua xác minh tại địa phương xác định trong quá trình chung sống chị T và anh D đều không ai có hành vi đánh đập, ngược đãi con chung. Hiện tại con chung đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh D đều vắng mặt không có lý do. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị T và anh D được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên khi chị T và anh D ly hôn, cần giao con chung của chị T và anh D cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. *Về chia tài sản*: Chị Đào Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí*: Buộc chị Đào Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 122; 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đào Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T và anh D là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/3/2010, đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

2.2. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị Đào Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001284 ngày 14/10/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh N (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Nguyên đơn chị Đào Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến D đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND P. Thái Hoà (ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên